

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-PT

Ngày 23/6/2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất và yêu cầu di dời tài sản
trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo; Kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐ-PT ngày 28/5/2021 Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 06/TB-TA ngày 09/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị L, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vi Văn T, sinh năm 1968; Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; đều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Vi Thị Kim Y, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu II, Thị trấn Đ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Chị Vi Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn L, Xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Chị Vi Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, Xã V, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Vi Văn H, sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; đang chấp hành án tại Đội 7, phân trại số 2, Trại giam T, xã V, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

5. Chị Vi Thị C, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

6. Anh Vi Văn C, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Vi Văn T là bị đơn trong vụ án.

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2020 và các lời khai nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày: Diện tích đất tranh chấp là do bố mẹ chồng (đã chết) chia cho vợ chồng bà năm 1995. Sau khi được chia, vợ chồng bà đã canh tác, trồng hoa màu, ngô, khoai, sắn. Chồng bà là ông Vi Văn T1 đã chết năm 2004; vợ chồng bà có 04 con. Từ nhỏ các con bà đi học, chưa lên diện tích đất này quản lý, canh tác với bà bao giờ. Năm 2004, bà Phan Thị L đi kê khai làm lại bìa đỏ (đổi sổ hồng), đến năm 2009 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên diện tích đất này không có cây cối hay tài sản gì của bà Phan Thị L vì là đất trồng cây hàng năm. Năm 2005 bà L đi cải tạo tại Trại Phú Sơn 4, năm 2006, con gái bà là Vi Thị Kim Y ở nhà có vay nợ của ông Vi Văn T 3.000.000đ (ba triệu đồng), chưa trả được nên ông Vi Văn T yêu cầu bán diện tích đất này cho ông T. Thời gian đó bà Phan Thị L đi trại cải tạo nên con gái bà là Vi Thị Kim Y ở trông nhà cho bà. Cuối năm 2012 bà Phan Thị L đi trại cải tạo về thì con gái bà trở lại nhà chồng. Diện tích đất này cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N năm 2011, nhưng đã bị thu hồi do ông Vi Văn T khai chồng lấn với diện tích đất của bà vào sổ của ông T. Năm 2012, ông Vi Văn T trồng 25 cây bạch đàn và trồng cây gai làm hàng rào để ông chặn bò, năm 2019 ông T lấy máy cào, xới đất và đào hố chứa nước. Bà Phan Thị L đã báo cáo chính quyền xã và yêu cầu ông Vi Văn T dỡ bỏ đi trả lại đất cho bà nhưng ông T không đồng ý. Nay, bà Phan Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất này, yêu cầu ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N di dời tài sản đã trồng trên đất, phá bỏ bờ rào cây gai trả lại đất cho bà. Bà Phan Thị L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung đề nghị ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N lấp hồ chứa nước tưới tiêu.

Bị đơn ông Vi Văn T và bà Hoàng Thị N trình bày:

Về nguồn gốc đất: Diện tích đất tranh chấp trước là thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bà Phan Thị L. Ngày 19/7/2006, chị Vi Thị Kim Y là con gái bà Phan Thị L đã chuyển nhượng diện tích đất này cho gia đình ông. Có lập giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có người làm chứng. Ngày 14/02/2011, UBND huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số cấp vào sổ CGN 00028 cho hộ ông Vi Văn T và bà Hoàng Thị N nằm trong tổng diện tích 15.891m² thửa số 232, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất. Diện tích đất tranh chấp thuộc một phần diện tích đất ông, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Vi Văn T thừa nhận việc UBND huyện C đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông và bà Na đối với diện tích đất tranh chấp, ông vẫn đang yêu cầu UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp lại Giấy cho ông. Việc chuyển nhượng đất giữa gia đình ông với chị Vi Thị Kim Y, có sự đồng ý của bà Phan Thị L. Thời điểm chuyển nhượng bà Phan Thị L đang đi cải tạo tại Phú Sơn 4, có viết thư về ủy quyền cho con gái bán mảnh đất này cho ông. Giá chuyển nhượng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N đã đưa số tiền này cho chị Vi Thị Kim Y. Khi vợ chồng ông nhận chuyển nhượng, chỉ là mảnh đất bỏ hoang, không có cây trồng gì trên đất, gia đình ông đã phải đi phát cỏ, cải tạo để trồng lạc, trồng bạch đàn. Nay không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L, vì cho rằng diện tích 5.192m² thửa số 22, tờ bản đồ số 33 thuộc xứ đồng K, Thôn Đ, xã H, huyện Chi Lăng thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông, bà. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N đã trồng 70m cây gai làm bờ rào từ năm 2006. Năm 2015 ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N mua 300 cây bạch đàn giống về trồng nay còn sống khoảng 20 cây, đường kính khoảng 15 – 20cm; gia đình ông đã trồng 01 vụ lạc chiêm vào năm 2019 và đào 01 hồ nước để tưới tiêu, kích thước như nào ông, bà không đo nên không biết. Nay ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho gia đình ông, bà được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và các tài sản khác có trên đất. Vì bà Phan Thị L đã viết thư về đồng ý để con gái chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho ông, bà, nay gia đình ông T, bà Na phải được quyền quản lý, sử dụng. Ông T và bà N không đồng ý trả lại bà Phan Thị L quyền quản lý, sử dụng diện tích đất và không đồng ý di dời tài sản trồng trên đất, phá bỏ bờ rào cây gai và lấp hồ chứa nước tưới tiêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Vi Thị Kim Y trình bày:

Chị là con gái ruột của bà Phan Thị L, năm 2006 chị có được vay tiền ông Vi Văn T với số tiền là 3.000.000 đồng, nhưng chưa trả tiền nợ cho ông T được, nên cuối năm 2006 ông T bảo chị viết cho ông một tờ giấy bán đất (đất hiện đang tranh chấp), không có diện tích đất cụ thể rõ ràng. Thời điểm đó mẹ chị là Phan Thị L còn đang đi cải tạo ở trại giam P 4 ở tỉnh Thái Nguyên. Ông T có nói với chị là khi nào mẹ đi cải tạo về thì ông T sẽ trả lại đất cho mẹ chị. Lúc chị viết giấy bán đất cho ông Vi Văn T, không có ai làm chứng. Năm 2013 mẹ chị mãn hạn tù trở về địa phương thì chị có nói với mẹ là chị đã làm giấy tờ bán đất ở đồi K cho ông Vi Văn T. Sau đó mẹ chị có sang nhà ông Vi Văn T nói chuyện trả tiền cho ông T và đề nghị ông T trả lại đất cho mẹ chị, nhưng ông T yêu cầu

mẹ chị phải trả cho ông T số tiền là 15.000.000 đồng thì ông T mới trả lại đất cho. Khi mẹ chị mang số tiền 15.000.000 đồng sang trả cho ông T thì ông T lại đòi ý là không lấy tiền và không đồng ý trả lại đất cho mẹ chị. Nay chị Vy Thị Kim Y yêu cầu ông Vi Văn T phải trả lại đất cho bà Phan Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vi Thị H và chị Vi Thị N trình bày: Về nguồn gốc diện tích đất này là do ông bà nội các chị để lại, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị L, nên do mẹ các chị toàn quyền quyết định. Chị Vi Thị N và chị Vi Thị H đồng ý với mọi lời khai và ý kiến của bà Phan Thị L.

Theo bản tự khai, ngày 01/3/2021 và đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vi Văn H trình bày: Anh Vi Văn H cho rằng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do ông bà để lại. Nay anh cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện và ý kiến của bà Phan Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Vi Văn C, chị Vi Thị C phía bị đơn trình bày: Anh Vi Văn C và chị Vi Thị C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L vì bố mẹ của anh, chị là ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N đã nhận chuyển nhượng với chị Vi Thị Kim Y với số tiền 3.000.000 đồng, do đó thửa đất tại K, Thôn Đ, xã H thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình anh, chị.

Tại công văn số 34/CNVPĐKĐĐ ngày 04/3/2021 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chi Lăng cung cấp các thông tin sau:

Qua kiểm tra đối chiếu bản đồ địa chính đất lâm nghiệp và hồ sơ địa chính thửa đất số 232 đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Văn T và bà Hoàng Thị N có chồng lẫn lộn thửa đất số 22 tờ bản đồ địa chính số 33 xã H, huyện Chi Lăng. Ngày 11/3/2019 UBND huyện Chi Lăng ra Quyết định số 899/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng quy định cho hộ ông Vi Văn T và Bà Hoàng Thị N do không đúng ranh giới và diện tích sử dụng đất. Kèm theo Công văn là 01 bản Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/01/2021 như sau:

Đất tranh chấp thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 33, bản đồ địa chính xã H, có địa chỉ là K, Thôn Đ, xã H huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn có diện tích là 4.877,4 m² loại đất trồng cây hàng năm; đất tranh chấp có các phía tiếp giáp như sau: Phía đông bắc giáp đường liên thôn, có hàng rào tre khô, cây bụi, có 01 bụi tre, 07 cây bạch đàn làm hàng rào ranh giới. Phía đông nam giáp đất không tranh chấp của ông Vi Văn T. Phía Tây nam giáp một phần thửa đất của Công ty Hòa Phát, có 01 cây gạo, 01 bụi tre và có hàng rào cây gai làm ranh giới. Phía tây bắc giáp một phần thửa đất số 22 hiện để làm lối đi lên đồi. Tài sản trên đất gồm: 14 cây bạch đàn; 01 cây gạo; 02 bụi tre gai, toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp là của ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N trồng.

Kết quả định giá: Đất tranh chấp, diện tích 4.877,4 m² có tổng giá trị là: **234.115.000 đồng** (hai trăm ba mươi tư triệu một trăm mười lăm nghìn đồng). Tài sản trên đất có giá trị là: 680.000 đồng (sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Với nội dung trên, Bản án số 01/2021/DS-ST ngày 22/3/2021 của TAND huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ vào các Điều 115; 164 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 166; 202; 203 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 1 Điều 147; Điều 150; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 24; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quyền sử dụng đất:

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phan Thị L được quyền sử dụng đối với diện tích 4.877,4 m² đất, thuộc thửa đất số 22 tờ bản đồ địa chính số 33, bản đồ địa chính xã H, địa chỉ thửa đất tại K, Thôn Đ, xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể độ dài, kích thước các cạnh và ranh giới tiếp giáp được thể hiện trên hình vẽ nổi các điểm trong mảnh trích đo kèm theo bản án.(Có mảnh trích đo kèm theo).

1.2 Buộc các bị đơn, ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn, chị Vi Thị Tranh và anh Vi Văn C chấm dứt hành vi việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà Phan Thị L đối với diện tích đất nêu trên.

2. Về di dời tài sản trên đất:

2.1 Các bị đơn ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N có quyền di dời tài sản trên đất gồm 14 cây bạch đàn; 01 cây gạo; 02 bụi tre gai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định thi hành án để di dời toàn bộ tài sản ra khỏi đất của bà Phan Thị L. Hết thời hạn nêu trên, các bị đơn không di dời tài sản trên đất hoặc di dời không hết tài sản thì xử lý như sau:

2.2 Trường hợp bị đơn không di dời: Bà Phan Thị L được quản lý sử dụng tài sản trên đất là 14 cây bạch đàn; 01 cây gạo; 02 bụi tre gai, bà Phan Thị L có trách nhiệm thanh toán cho ông Vi Văn T và bà Hoàng Thị N giá trị tài sản trên đất là: 680.000 đồng (sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

2.3 Trường hợp bị đơn di dời không hết tài sản: Bà Phan Thị L được quản lý sử dụng toàn bộ tài sản còn lại trên đất, không phải T toán giá trị tài sản còn lại trên đất cho ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N.

3. Về yêu cầu lấp hố nước: Đình chỉ giải quyết.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, lãi xuất chậm trả tại thời điểm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định bị đơn ông Vi Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử:

1. Giám định chữ viết trong bức thư bà L cho chị Y khi đang thụ án tại trại giam P 4, Thái Nguyên. Buộc bà Phan Thị L trả lại đất cho gia đình ông quản lý sử dụng hoặc bồi thường cho gia đình ông theo quy định của pháp luật.

2. Công nhận hiệu lực của bản giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông với chị Y. Buộc chị Vi Thị Kim Y bồi thường thiệt hại bằng cách trả lại tiền bằng giá trị hiện tại đã được Tòa án sơ thẩm thẩm định, đánh giá đất là 234.000.000 đồng và chị Vi Thị Kim Y phải chịu án phí sơ thẩm.

+ Kháng nghị số 14/QĐKNPT-VKS-DS Ngày 20/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn Kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 22/3/2021 của TAND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn do có các vi phạm sau:

- Vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ: Bà L đã có viết thư về ủy quyền cho con gái (chị Y) bán đất cho ông T, bức thư đã được ông T cung cấp tại phiên tòa, nhưng Tòa án nhân dân (TAND) huyện Chi Lăng chưa xem xét có liên quan đến việc chuyển nhượng đất tranh chấp không. Không xem xét đánh giá nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa bà L với ông T để giải quyết trong cùng vụ án. Chưa xem xét giải quyết yêu cầu của bà N (vợ ông T) yêu cầu bà L trả 300.000.000 đồng tại phiên tòa. Không xem xét giải quyết hợp đồng chuyển nhượng đất giữa chị Y với ông T trong cùng vụ án, để xác định lỗi của chị Y, mà tách ra để giải quyết bằng vụ án khác là chưa đảm bảo căn cứ. Vi phạm về xem xét nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Không xem xét đến nghĩa vụ đối với bà L đã rút 314,6m². Mục 2 phần quyết định của bản án tuyên không rõ ràng, khó khăn cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị L, tự nguyện đồng ý thỏa thuận cụ thể như sau: Bà Phan Thị L tự nguyện chia cho ông Vi Văn T 1500m² đất trong tổng số 5.192m² đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 33 xã H, huyện Chi Lăng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phan Thị L, đo theo bản Trích đo khu đất tranh chấp ngày 26/01/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và Môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn, theo hướng đông nam, phần đất giáp với đất nhà ông T, tính đo từ điểm B,C,H trở ra phía tây nam, có điểm mốc giới A, D, G. Ông Vi Văn T được quyền quản lý sử dụng và sở hữu tài sản có trên diện tích đất được chia. Diện tích đất còn lại và tài sản có trên phần đất là của bà Phan Thị L. Về chi phí tố tụng bà Phan Thị L tự nguyện chịu 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Vi Văn T tự nguyện chịu 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Phan Thị L. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm ông Vi Văn T tự nguyện chịu toàn bộ.

Bị đơn ông Vi Văn T và bà Hoàng Thị N cũng đồng ý nhất trí với sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn bà Phan Thị L.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật.

Đơn kháng cáo của ông Vi Văn T làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn trong thời

hạn luật định, nên kháng nghị là hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau, bà Phan Thị L tự nguyện chia cho ông Vi Văn T 1500m² đất trong tổng số 5.192m² đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 33 xã H, huyện Chi Lăng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phan Thị L, đo theo bản Trích đo khu đất tranh chấp ngày 26/01/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và Môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn, tính từ điểm B,C,H hướng đông nam giáp với đất nhà ông T, trở ra phía tây nam có điểm mốc giới A,D,G. Ông Vi Văn T được quyền quản lý sử dụng và sở hữu tài sản có trên diện tích đất được chia. Về chi phí tố tụng bà Phan Thị L tự nguyện chịu 7.250.000 đồng. Ông Vi Văn T tự nguyện chịu 7.250.000 đồng để hoàn trả cho bà Phan Thị L. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm ông Vi Văn T tự nguyện chịu toàn bộ. Việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 5. Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 22/3/2021 của TAND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Vi Thị N, chị Vi Thị H, anh Vi Văn H, chị Vi Thị C, anh Vi Văn C, đã có văn bản ủy quyền và đơn xin xét xử vắng mặt. Vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2; ý kiến của nguY đơn, bị đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Nguyên đơn bà Phan Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Vi Văn T và bà Hoàng Thị N trả lại đất và quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp, yêu cầu ông Vi Văn T, bà Hoàng Thị N di dời tài sản đã trồng trên đất tranh chấp. TAND huyện C, tỉnh Lạng Sơn thụ lý giải quyết vụ án với quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất” là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Phan Thị L và bị đơn ông Vi Văn T đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau: Bà Phan Thị L tự nguyện chia cho ông Vi Văn T 1.500m² đất, trong tổng số 5.192m² đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 33 xã H, huyện Chi Lăng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phan Thị L, chia theo bản Trích đo khu đất tranh chấp ngày 26/01/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản

đồ và Môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn, tính từ điểm B,C, H, hướng đông nam giáp với đất nhà ông T, trở ra phía tây nam có điểm mốc giới A,D,G, với tổng diện tích là 1.500m² nổi từ vị trí các đỉnh thửa B,C,H,Q,H',B',P, số hiệu thửa đất (tạm): 22.2 theo bản phụ lục ngày 23/6/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và Môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn. Ông Vi Văn T được quyền quản lý sử dụng và sở hữu tài sản có trên diện tích đất được chia. Bà Phan Thị L được quyền quản lý sử dụng diện tích đất còn lại là 3.692m² nổi từ vị trí các đỉnh thửa A,B',H',G,D, số hiệu thửa đất (tạm): 22.1 và diện tích 100.8m² nổi từ vị trí các đỉnh thửa A,D,G, E số hiệu thửa đất (tạm): 22.3 theo bản phụ lục ngày 23/6/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và Môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn và được sở hữu tài sản có trên diện tích đất. Về chi phí tố tụng bà Phan Thị L tự nguyện chịu 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Vi Văn T tự nguyện chịu 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Phan Thị L. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm ông Vi Văn T tự nguyện chịu toàn bộ. Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 5; Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 22/3/2021 của TAND huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Đối với kháng nghị số:14/QĐKNPT-VKS-DS Ngày 20/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Phan Thị L tự nguyện chịu 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận bà Phan Thị L đã nộp đủ. Ông Vi Văn T tự nguyện chịu 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Phan Thị L và phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Phan Thị L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Ông Vi Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Vi Văn T đã nộp đủ số tiền án phí dân sự phúc thẩm, theo biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5; Điều 300; khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 22/3/2021 của TAND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cụ thể như sau:

1. Bà Phan Thị L tự nguyện chia cho ông Vi Văn T 1.500m² đất, trong tổng số 5.192m² đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 33 xã H, huyện Chi Lăng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phan Thị L, chia theo bản Trích đo khu đất tranh chấp ngày 26/01/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và Môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn, nối từ vị trí các đỉnh thửa B,C,H,Q,H',B',P, số hiệu thửa đất (tạm): 22.2 theo bản phụ lục ngày 23/6/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và Môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn. Ông Vi Văn T được quyền quản lý sử dụng và sở hữu tài sản có trên diện tích đất được chia. Bà Phan Thị L được quyền quản lý sử dụng diện tích đất còn lại là 3.692m² nối từ vị trí các đỉnh thửa A,B',H',G,D, số hiệu thửa đất (tạm): 22.1 và diện tích 100.8m² nối từ vị trí các đỉnh thửa A,D,G, E số hiệu thửa đất (tạm): 22.3 theo bản phụ lục ngày 23/6/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và Môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn và được sở hữu tài sản có trên diện tích đất. **(Có bản phụ lục kèm theo bản án).**

Bà Phan Thị L và ông Vi Văn T có quyền đi kê khai, làm thủ tục với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Phan Thị L tự nguyện chịu 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận bà Phan Thị L đã nộp đủ.

Ông Vi Văn T tự nguyện chịu 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trả cho bà Phan Thị L và phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Phan Thị L được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Vi Văn T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Vi Văn T đã nộp số tiền án phí dân sự phúc thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0000464 ngày 08/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Ông Vi Văn T còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Đức Chiến